

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2019

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Ông Nguyễn Văn Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2019/TLST - HNGĐ ngày 10/01/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị M, sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1965

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã C1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn C đăng ký kết hôn ngày 05/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn với chị, anh C đã có vợ nhưng đã ly hôn. Sau ngày

cưới vợ chồng sinh sống tại thôn P, xã C1 khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống với nhau đã lâu mà không có con anh C không chịu làm ăn còn đánh bạc, chị khuyên giải không nghe còn đánh đập chị. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống được gần một năm nay. Hai người sống ly thân đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung, tài sản, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai đương sự và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn C trình bày: Anh và chị M đăng ký kết hôn ngày 05/01/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C1, huyện Thanh Hà. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh không cho cô M đi chợ, dẫn đến cô M không chăm lo gia đình, chỉ thu vén cho bản thân. Cô M tự ý bỏ đi từ tháng 09/2018 cho đến nay. Anh và gia đình có khuyên bảo cô M về chung sống, đoàn tụ nhưng cô M không về, còn chửi anh. Anh đã tát chị M 02 cái. Hai người sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với điều kiện chị M phải trả anh 84.000.000 đồng tiền công trong 07 năm, anh chở chị M đi bán hàng hoa quả.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, anh xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M, anh C vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị M ly hôn anh Phạm Văn C.
- Về con chung, tài sản chung, nợ: Không có, không đặt ra giải quyết
- Về công sức: Chị M không yêu cầu công sức đóng góp nên không đặt ra giải quyết. Anh C nêu có công sức 7 năm chở chị M đi chợ yêu cầu chị M trả số

tiền 84.000.000đ nhưng anh C không cung cấp được chứng cứ nên không có căn cứ giải quyết.

- Về Án phí: Chị Đoàn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng tự ý bỏ về không tham dự phiên tòa, căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp. Chị M xin ly hôn, anh C có lúc đồng ý, có lúc không đồng ý. Tuy nhiên, chị M, anh C cũng đã thừa nhận quan hệ vợ chồng có mâu thuẫn, do không có con, luôn bất đồng quan điểm và lối sống, hai người đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Anh C không đồng ý ly hôn, nhưng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Đánh giá về bản chất, việc anh C không đồng ý không phải có thiện ý đoàn tụ thực sự mà chỉ nhằm gây khó khăn cho chị M trong việc hoàn tất thủ tục ly hôn; Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị M, anh C thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị M được ly hôn anh C là phù hợp pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Không có, không đặt ra giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu của anh C đòi chị M phải trả 84.000.000 đồng tiền công sức nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, bản thân chị M cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh C.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm a,b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn C.
2. Không chấp nhận yêu cầu của anh C buộc chị M phải trả 84.000.000 đồng tiền công sức trong thời gian 07 năm chờ chị M đi chợ bán hoa quả;
3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng đối với gia đình hai bên: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000327 ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
5. Quyền kháng cáo: Chị M, anh C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã C1, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- L- u hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phu